TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Ông Nguyễn Tiến Sửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà*:* Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2023/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hương L (tên gọi khác: Bùi Khánh L), sinh năm 1995; Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh V (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Ngụy Quốc Đ (tên gọi khác: Ngụy Văn Đ), sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 10/5/2023 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị L trình bày: Chị kết hôn với anh Ngụy Quốc Đ vào 29/12/2011, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L. Kết hôn xong, anh Đ về chung sống cùng gia đình nhà chị. Quá trình chung sống vợ

chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Đ không quan tâm, chăm sóc gia đình, chơi bời cờ bạc, kinh tế gia đình khó khăn và năm 2017, anh Đ bị tai nạn, liệt nửa người dưới và tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ anh Đ ở tại thôn T, xã L từ năm 2018, vợ chồng ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, vợ chồng và gia đình 2 bên không dàn xếp gì. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị xin được ly hôn anh Đ.

Con chung: vợ chồng tôi có 02 con chung là Ngụy Bùi Anh Đ, sinh ngày 25/8/2012 và Ngụy Bùi Yến V, sinh ngày 08/01/2014 (hiện các con đang ở với chị). Ly hôn, tôi xin trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ phải đóng góp nuôi con chung cùng. Hiện nay chị đang làm công nhân tại công ty IM, khu công nghiệp Bá Thiện 2, Bình Xuyên, thu nhập bình quân từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng, có chỗ ở ổn định cùng bố mẹ đẻ của chị.

Tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngụy Quốc Đ vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề xét xử vắng mặt). Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/6/2023, anh Đ trình bày: Anh và chị L kết hôn vào ngày 29/12/2011, trước khi cưới có tìm hiểu, có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L. Kết hôn xong anh về chung sống cùng gia đình chị L. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh bị tai nạn liệt nửa thân dưới, không thể tự đi lại được nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không quan tâm đến nhau và anh về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay, mọi sinh hoạt ăn ở của anh hiện nay đều phụ thuộc vào bố mẹ đẻ, anh không lao động được nên không có thu nhập. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị L xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị L.

Con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung như chị L trình bày nêu trên (hiện các con đang ở cùng chị L). Ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi 01 con chung, các bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Đ không yêu cầu trợ giúp pháp lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên thòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giải quyết cho chị L được ly hôn anh Đ; con chung: giao cho chị L trực tiếp nuôi 02 con chung. Xác nhận việc chị L không yêu cầu anh Đ phải đóng góp nuôi con chung cùng là hoàn toàn tự nguyện; tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; án phí: chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Hương L và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và gia đình là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Bị đơn trong vụ án là anh Ngụy Quốc Đ có địa chỉ cư trú tại xã L, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn anh Ngụy Quốc Đ vắng mặt tại phiên tòa, nhưng anh Đđã có đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo Giấy chứng nhận kết hôn: Chị L và anh Đ đăng ký kết hôn ngày 29/12/2011, thời điểm đăng ký kết hôn chị L chưa đủ tuổi kết hôn mới được 16 tuổi 2 tháng 20 ngày, vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại Điểm 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Tuy nhiên, vợ chồng chị L và anh Đ có thời gian dài chung sống hạnh phúc, có con chung, thời điểm chị L xin ly hôn thì chị L đã đủ 18 tuổi. Do vậy, Căn cứ vào Điểm c Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số:

01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy không phải hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Đ và chị L.

Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ thấy rằng: Hôn nhân giữa chị L và anh Đ là cuộc hôn nhân được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu của các bên. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không không quan tâm, chăm sóc nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng và vợ chồng ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay, các bên không dàn xếp gì. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn xin ly hôn anh Đ, anh Đ cũng nhất trí ly hôn.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng chị L và anh Đ đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc gia đình và làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chị L xin ly hôn anh Đ là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Xét về quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của các bên là như nhau. Tuy nhiên, hiện nay anh Đ bị liệt nửa người dưới, không lao động được và không có thu nhập, việc sinh hoạt hàng ngày phụ thuộc vào bố mẹ đẻ nên trường hợp giao con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng không đảm bảo đời sống hàng ngày của anh cũng như của con chung. Bản thân chị L đang là công nhân, lao động có thu nhập, có chỗ ở ổn định nên cần giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Chị L không yêu cầu anh Đ đóng góp nuôi con chung cùng là hoàn toàn tự nguyện cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Về Hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Hương L (Bùi Khánh L) được ly hôn anh Ngụy Quốc Đ (Ngụy Văn Đ).

[2] Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Ngụy Bùi Anh Đ, sinh ngày 25/8/2012 và Ngụy Bùi Yến V, sinh ngày 08/01/2014 (hiện các con đang ở với chị Ly). Anh Đ không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị L.

Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0006697 ngày 09/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND xã L ;
- Đương sự;
-Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Nga